TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 426/2024/HS-PT
Ngày 29-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Lê Thị Thúy Bình;
ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên toà***: ông Phạm Thành Trung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại các điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 340/2024/TLHS-PT ngày 12 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị Mỹ T1 và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 06/2024/HS-ST ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Lê Thị Mỹ T1 sinh ngày 17/7/1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Hồng P và bà Vũ Thị H; có là chồng Phạm Văn H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 04/10/2022; có mặt.

2. Lê Văn G sinh ngày 17/8/1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Anh D (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ là Phạm Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: ngày 16/6/2018, bị Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; ngày 16/12/2022, bị Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính 5.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; bị bắt tạm giam ngày 04/10/2022; có mặt.

3. Phạm Thanh T2 sinh ngày 19/7/1989; nơi cư trú: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị L; tiền sự: không; tiền án: Tại Bản án số 146 ngày

24/12/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt bị cáo 17 năm tù về tội "Giết người" và "Cố ý gây thương tích"; ngày 30/01/2021 thi hành xong hình phạt tù, chưa thi hành án phần dân sự về bồi thường thiệt hại; bị cáo bị bắt giam ngày 01/6/2023; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T2: các Luật sư Nguyễn Văn T và Đỗ Đăng H - Công ty luật S, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Bào chữa cho bị cáo Lê Thị Mỹ T1: Luật sư Nguyễn Văn N - Công ty luật H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Bào chữa cho bị cáo Lê Văn G: Luật sư Phạm Xuân T - Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Bị hại:* anh Trần Thế T3 sinh năm 1996; trú tại: thôn Tế Quan, xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Lê Thị Mỹ T1 là bạn học cấp 3 với anh Trần Thế T3. Khoảng tháng 7/2021, anh T3 đầu tư tiền trên T1 web chạy quảng cáo nhãn hàng có địa chỉ https://www Ai.marketing.com. Quy trình nạp tiền, rút tiền thông qua việc mua hoặc bán USD, XRP trên T1 web trung gian https://www Binance.com. (XRP - là loại tiền điện tử, 01 XRP tương đương 01 USD). Anh T3 rủ bị cáo T1 đầu tư, bị cáo T1 đồng ý. Do không biết cách sử dụng và thao tác trên T1 https://www Ai.marketing.com nên T1 nhờ anh T3 lập và sử dụng thay T1. T1 đưa địa chỉ gmail là SunT1sun@gmail.com, mật khẩu: T1 17071996 để nhờ anh T3 lập tài khoản trên T1 web. Do không biết cách thực hiện các thao tác nạp tiền, nhận tiền đầu tư nên T1 nhờ anh T3 thực hiện các thao tác nạp tiền cho T1 bằng cách anh T3 thông báo tỷ giá ngoại tệ sau đó T1 chuyển tiền tương ứng với USD tại thời điểm nạp tiền. Mỗi lần T1 nạp tiền hoặc tài khoản có thay đổi về số dư, T1 web đều báo vào gmail của T1 để T1 biết, anh T3 cũng nhắn tin thông báo cho T1, T1 đều kiểm tra và biết được số tiền có trong tài khoản.

Ngày 11/10/2021, bị cáo T1 chuyển 2.382.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Techcombank của T1 vào tài khoản ngân hàng Techcombank của anh T3. Sau khi nhận tiền, anh T3 thực hiện các thao tác đổi tiền và nạp vào tài khoản SunT1sun@gmail.com. Sau đó T1 nhờ anh T3 lập thêm 02 tài khoản và cung cấp cho anh T3 02 gmail lethimyT11796@gmail.com và Leminhhoang19072003@gmail.com. Ngày 19/10/2021, T1 tiếp tục chuyển cho anh T3 18.729.000 đồng để nạp vào tài khoản lethimyT11796@gmail.com; Ngày 26/10/2021, T1 chuyển cho anh T3 nạp vào tài khoản Leminhhoang19072003@gmail.com số tiền 46.952.000 đồng. Tổng số tiền T1 nhờ anh T3 nạp vào tài khoản tại T1 web Air Marketing là 68.063.000 đồng. Tháng 10/2022 T1 web này vẫn hoạt động, người chơi vẫn vào xem được tài khoản của mình nhưng không rút được tiền, bị cáo T1 và anh T3 không trao đổi với nhau về việc đầu tư vào T1 web này nữa.

Đầu tháng 11/2021, anh T3 nói với T1 về việc anh đang đầu tư trên T1 web có địa chỉ https://www.Senexa.biz, là T1 web kinh doanh tiền ngắn hạn, mức lãi suất 0,9%/01 ngày, sau 09 ngày chủ tài khoản có thể rút được cả gốc và lãi hoặc có thể tái đầu tư, anh đã nạp thử 500 USD và rút được 10 USD nên tin tưởng. Bị cáo T1 nói muốn đầu tư, anh T3 gửi cho T1 đường dẫn giới thiệu T1 web, cách tạo tài khoản, cách nạp tiền và rút tiền qua video trên YouTube. T1 tìm hiểu nhưng không biết thực hiện các thao tác nên nhờ anh T3 mở 03 tài khoản trên T1 web https://www.Senexa.biz gồm: Leminhhoang19072003@gmail.com (tài khoản gmail của anh Lê Minh Hoàng, em trai T1); tài khoản thứ hai là lethimyT11796@gmail.com và tài khoản SunT1sun@gmail.com. Bị cáo T1 cung cấp địa chỉ các gmail và mật khẩu cho anh T3 để thực hiện các thao tác trên T1 Website giúp T1. Tất cả những lần T1 nhờ nạp tiền, anh T3 đều nạp vào tài khoản gmail của T1 đúng số tiền T1 chuyển khoản. Cụ thể: ngày 26/10/2021, bị cáo T1 chuyển cho anh T3 số tiền 11.738.000 đồng vào tài khoản Leminhhoang19072003@gmail.com; ngày 15/11/2021, bị cáo T1 chuyển cho anh T3 211.800.000 đồng; ngày 17/11/2021, T1 chuyển cho anh T3 201.390.000 đồng vào tài khoản SunT1sun@gmail.com; ngày 20/11/2021, bị cáo T1 chuyển cho anh T3 500.000.000 đồng và ngày 22/11/2021 chuyển cho anh T3 11.106.000 đồng vào tài khoản lethimyT11796@gmail.com. Sau khi nhận tiền do T1 chuyển, anh T3 đã đổi ra USD thông qua T1 http://www.Binance.com sau đó nạp vào T1 web http://www.Senexa.biz để đầu tư. Những lần nạp tiền T1 Website đều thông báo mã OTP về tài khoản gmail hoặc điện thoại di động của T1, T1 thông báo lại mã OTP cho T3 biết để tiếp tục thực hiện thao tác nạp tiền. Số tiền thừa do chênh lệch tỷ giá USD và tiền Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền, anh T3 đều chuyển lại cho T1, trong đó ngày 20/11/2021 chuyển lại cho T1 700.000 đồng và ngày 22/11/2021 chuyển lại cho T1 500.000 đồng. Tổng số tiền T1 chuyển khoản cho anh T3 qua 2 T1 Website là 1.012.097.000 đồng.

Ngày 01/12/2021, bị cáo T1 nói cần tiền nên nhờ anh T3 rút hết tiền của T1 trong tài khoản của T1 web Senexa.biz, anh T3 rút tiền nhưng T1 web thông báo phải chờ 72 giờ mới rút được. Ngày 02/12/2021, anh T3 ứng trước cho T1 35.000.000 đồng, ngày 04/12/2021 anh T3 rút tiền từ tài khoảnSunT1sun@gmail.com thì rút được 9.000 USD tương đương 217.017.000 đồng. Anh T3 chuyển lại cho T1 182.017.000 đồng (trừ đi số tiền 35.000.000 đồng anh T3 đã ứng đưa cho T1 ngày 02/12/2021). Sau đó anh T3 tiếp tục rút tiền cho T1 nhưng không thực hiện được (việc anh T3 nạp và rút tiền trên T1 Web T1 biết vì đều báo vào gmail của T1). Từ ngày 08/12/2021 đến ngày 15/12/2021, anh T3 chuyển khoản cho T1 vay 92.250.000 đồng. Khoảng tháng 01/2022, T1 web Senexa.biz không rút được tiền sau đó ngừng hoạt động nên T1 bị mất toàn bộ số tiền còn lại trong tài khoản 717.817.000 đồng.

T1 cho rằng anh T3 là thành viên của T1 web và đã lấy tiền đầu tư tiền ảo của T1. T1 nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh T3 trả số tiền đã chuyển khoản cho anh T3 để đầu tư. Anh T3 nói với T1 đến tháng 7/2022, nếu T1 website rút được tiền thì sẽ rút tiền đưa cho T1, nhưng do T1 website không hoạt

động nên anh T3 không thực hiện được. T1 nghĩ anh T3 lừa T1, nhiều lần đòi tiền nhưng anh T3 nói không rút được. Sáng ngày 03/9/2022, T1 sang nhà bà nội ở xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng chơi. Tại đây T1 gặp Lê Văn G (là anh họ của T1), T1 kể cho G nghe về việc anh T3 đưa T1 vào đường dây đa cấp, anh T3 đang cầm của T1 hơn 1 tỷ đồng, hẹn tháng 7/2022 thanh toán nhưng đến nay chưa trả. T1 nói với G việc sang nhà anh T3 mấy lần mà không gặp được và nhờ G đi đòi nợ hộ, G đồng ý. Bị cáo G gọi điện thoại cho Phạm Thanh T2 (là bạn G) nhờ bị cáo T2 cùng đi đòi tiền anh T3, T2 đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 04/9/2022, G đến khu vực ngã ba đường quốc lộ 10, lối vào Uỷ ban nhân dân xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng thuê xe ô tô loại Innova 07 chỗ (không nhớ biển số xe) của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ. Người này lái xe chở G đến nhà đón T1 và cả hai đi đến nhà anh T3. Trên đường đi, G gọi điện thoại cho T2 nói xuống Đông Vinh để vào nhà anh T3. T2 gọi điện thoại cho bạn là Phan Duy Huy bảo đi cùng T2 có việc, rồi điều khiển xe máy đến đón Huy. Khi đi đến khu vực cầu Cộm thuộc thôn Quang Trung, xã Đông Xuân thì gặp xe ô tô chở T1 và G, G bảo T2 cùng đi đến nhà anh T3. Đến đầu ngõ nhà anh T3, G, T2 và Huy đứng ngoài đợi, T1 đi bộ vào nhưng anh T3 không có nhà. T2 điều khiển xe máy chở Huy về, còn T1, G đứng gần nhà anh T3 đợi một lúc rồi ra về. Khoảng 15h30 cùng ngày, khi đang trên đường đi tại đoạn đường Quốc lộ 39A, khu vực xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, T1 phát hiện anh T3 điều khiển xe máy Wave màu đen, đỏ, đội mũ bảo hiểm màu xanh đi ngược chiều xe ô tô của T1 và G, G nói người lái xe ô tô quay xe đuổi theo anh T3. Khi đến đoạn đường quốc lộ 10, địa phận xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, G nhìn thấy T2 điều khiển xe máy SH một mình hướng đi thị trấn Đông Hưng nên vẫy tay qua cửa kính và gọi điện thoại bảo T2 đuổi theo anh T3. T1 đọc biển số xe của anh T3 để G nói cho T2. Đến khu vực xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, T2 gặp Huy đi xe máy một mình nên vẫy tay bảo Huy đi cùng T2 có việc (nhưng không nói có việc gì), T2 và Huy mỗi người điều khiển một xe máy đi trước xe ô tô của T1. Đến địa phận xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, T1 và G phát hiện xe anh T3 đi trước xe ô tô, G gọi điện thoại bảo T2 dừng xe anh T3 lại. T2 điều khiển xe mô tô đi lên phía trước, đến km 70 + 580 quốc lộ 39B, T2 áp sát xe máy anh T3 và nói: "Mày đi quệt vào người ta rồi, quay lại đền người ta đi", anh T3 dừng xe xuống phía sau xe máy của T2, lúc này xe ô tô chở G, T1 đến nơi và dừng lại, G xuống xe kéo tay anh T3 lên xe, anh T3 hô "Cướp, cướp, cứu", T2 đẩy anh T3 đến cạnh cửa xe ô tô, anh T3 chống cự nhưng khi nhìn thấy T1 ngồi ở ghế phụ phía trước bảo anh T3 lên xe ô tô nói chuyện, anh T3 đã lên hàng ghế thứ 2 của xe ô tô ngồi, G ngồi bên tay phải, T2 ngồi bên tay trái anh T3, G là người bảo lái xe tiếp tục di chuyển xe ô tô. Xe ô tô tiếp tục di chuyển đến km 69 + 450 thuộc địa phận thôn Thọ Sơn, xã Minh Phú, huyện Đông Hưng thì dừng lại bên trái đường. T1 và anh T3 nói chuyện với nhau khoảng 15 phút, T1 bảo anh T3: "Số tiền tao chuyển khoản cho mày thì mày tính sao", anh T3 nói "mày chuyển tiền cho tao thế nào thì tao nạp giúp như thế, T1 web báo như vậy chứ tao có biết gì đâu". T1 đáp "tao không cần biết, tao chỉ biết tao chuyển khoản cho mày thì giờ mày phải trả lại tao".

Anh T3 giải thích về việc bản thân cũng đầu tư, cũng bị mất tiền khi T1 web bị sập, T1 không đồng ý và cho rằng anh T3 lừa T1 lấy tiền. Lúc này T2 dùng cùi trỏ tay phải đánh vào ngực anh T3 và nói "giờ mày có trả tiền cho cái T1 không" anh T3 bảo "em không nợ gì cái T1 cả, em chỉ nạp giúp nó thôi" T2 dùng chân, tay đánh vào vai, sườn và đùi hai bên người anh T3; G dùng cùi trỏ trái huých vào người anh T3. T2 nói "mày có trả tiền cái T1 không", anh T3 nói "tôi không vay mượn gì". T2 và G tiếp tục đánh anh T3, T2 nói "mày muốn sống hay muốn chết", G nói "đàn ông thì phải có trách nhiệm, bây giờ mày vay nó thì mày phải trả" anh T3 vẫn nói không nợ. Sự việc diễn ra trong khoảng 30 phút, anh T3 sau khi bị đánh kêu đau và mệt, G nói T1 nó nợ rất nhiều, nó phải có cái giấy xác nhận cho mày vay tiền, để cho bố mẹ nó biết nó không chơi bời gì để bố mẹ nó lo chỗ nợ cho nó, T2 bảo "mày viết giấy nợ xong tao cho mày về, không thì tao đánh đến lúc mày viết thì thôi". Do lo sợ bị đánh nên anh T3 buộc phải viết giấy mượn tiền T1. T1 đưa giấy, bút cho anh T3 để viết giấy mượn tiền. Sau đó cả T2, T1, G đều đọc nội dung cho anh T3 viết. Nội dung giấy mượn tiền: "Hôm nay ngày 20/11/2021 tôi Trần Thế T3 có nhận tiền 1.012.000.000 đồng của chị Lê Thị Mỹ T1 cho mượn bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng Techcombank (6 lần chuyển khoản) để sử dụng vào mục đích cá nhân và trong thời gian qua tôi đã trả cho chị T1 300.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại 712.000.000 đồng không lãi suất, tôi hẹn chị T1 10 tháng sau tôi xin hoàn trả lại. Trên đây là toàn bộ sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật là lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tôi viết trong tình trạng hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, không có sự ép buộc. Người cho mượn Lê Thị Mỹ T1 ký và ghi rõ họ tên, người nhận tiền Trần Thế T3 ký, ghi rõ họ tên và điểm chỉ". Sau khi anh T3 viết giấy T1 yêu cầu anh T3 đưa căn cước công dân của anh T3 để T1 đối chiếu thông tin và đưa lọ mực đỏ T1 mang theo từ trước đưa cho T2, T2 bôi mực đỏ vào ngón tay cái bàn tay phải của anh T3 và ép anh T3 điểm chỉ vào giấy mượn tiền vừa viết. T2 đưa giấy mượn tiền cho T1 và T2, G cho anh T3 xuống xe ô tô để đi về.

Tại Bản án số 06/2024/HS-ST ngày 29-01-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái bình đã:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ T1 18 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn G 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thanh T2 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/6/2023.

Đều về tội "Cướp tài sản".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định việc xử lí vật chứng, về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 02-02-2024, bị cáo Lê Thị Mỹ T1 kháng cáo và ngày 05-02-2024, bị cáo Lê Văn G kháng cáo đều với nội dung cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là hành vi cướp tài sản, đề nghị xin giảm hình phạt.

Ngày 07-02-2024, bị cáo Phạm Thanh T2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T1 cho rằng việc bị hại viết giấy nhận nợ là tự nguyện không phải bị tấn công, đe dọa, ép buộc; bị cáo xin giảm hình phạt.

Các bị cáo G và T2 cho rằng không có ý định cướp tài sản của bị hại mà do bị hại không nhận nợ tiền của T1 nên các bị cáo đánh, đe dọa buộc anh T3 phải viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của T1; các bị cáo đề nghị xem xét giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "Cướp tài sản" là đúng. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án và nhân thân các bị cáo kết án bị cáo T1 18 năm tù, T2 15 năm tù và G 14 năm tù là có căn cứ; đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lê Thị Mỹ T1 cho rằng anh Trần Thế T3 đã dụ giỗ mình tham gia vào 02 T1 websiteđể đầu tư tiền ảo, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo, nên T1 đã nói chuyện này cho bị cáo Lê Văn G biết và nhờ G đòi tiền giúp bị cáo T1. Sau đó G gọi điện cho Phạm Thanh T2 nhờ T2 đi đòi nợ anh T3 cùng với G. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/9/2022, G thuê xe ô tô 7 chỗ, chở T1 sang nhà tìm anh T3 đòi tiền nhưng không gặp, khi T1 và G quay về thì trên đoạn đường quốc lộ 39A, khu vực xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, bị cáo T1 phát hiện anh T3 điều khiển xe máy đi ngược chiều, nên bị cáo T1 chỉ đạo người lái xe ô tô quay xe lại đuổi theo anh T3, bị cáo G gọi điện thoại cho T2 để chặn anh T3 dừng xe lại. Anh T3 bị T2 chặn xe máy đoạn đường quốc lộ 39 thuộc địa phận thôn Cổ Xá, xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, sau đó bị cáo G kéo anh T3, còn bị cáo T2 đẩy phía sau anh T3, buộc anh T3 phải lên xe ô tô để giải quyết về số tiền cùng với bị cáo T1 đầu tư trên T1 website. Khi trên xe ô tô, bị cáo T1 và anh T3 không thống nhất được về việc trả nợ, nên bị cáo G, T2 đã dùng chân tay đánh anh T3, đe doạ anh T3 và ép anh T3 phải viết giấy nhận nợ. Bị cáo T1 đưa giấy, bút buộc anh T3 phải viết giấy mượn T1 số tiền 712.000.000 đồng, cả ba bị cáo T1, T2, G là người đọc nội dung giấy mượn tiền cho anh T3 viết. Sau khi viết xong thì bị cáo T1 đưa lọ

mực để anh T3 lấy mực điểm chỉ dấu vân tay vào giấy vay tiền. Việc anh T3 bị các bị cáo G, T2 dùng vũ lực, đe dọa để ép phải viết giấy nhận nợ cho T1 được chứng minh bằng lời khai của bị hại, lời khai nhận tội của các bị cáo G, T2, T1, lời khai nhận tội của bị cáo G, T2 tại các phiên toà; ngoài ra, việc anh T3 bị các bị cáo G, T2 dùng vũ lực tấn công còn được chứng minh bằng bản xem xét dấu vết trên cơ thể và bản kết luận giám định pháp y đối với anh T3, cụ thể: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 1%. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận về hành vi ép buộc, đe doạ, dùng vũ lực đối với anh T3 để buộc anh T3 phải viết giấy nhận nợ. Mặc dù sau đó bị cáo T1 thay đổi lời khai, không thừa nhận về các hành vi đe dọa, ép buộc T3 viết giấy vay tiền nhưng căn cứ các lời khai nhận tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng là anh Phan Duy Huy về việc bị cáo G kéo anh T3, còn bị cáo T2 đẩy anh T3 lên xe ô tô; việc bị cáo T1 cho rằng anh T3 viết giấy mượn tiền là tự nguyện không phải do bị đe dọa, dùng vũ lực là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Lê Thị Mỹ T1, Lê Văn G và Phạm Thanh T2 về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Sau khi phạm tội về cơ bản các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cãi; bị hại đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo T1: là người khởi xướng việc đi đòi nợ anh T3, nhờ bị cáo G đi đòi nợ cùng và bị cáo G lại gọi điện cho bị cáo T2 để tham gia cùng, nên T1 giữ vai trò chính trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án và nhân thân của bị cáo kết án Lê Thị Mỹ T1 18 năm tù (là mức thấp nhất của khung hình phạt) là có căn cứ.

Đối với các bị cáo G và T2: các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức và trực tiếp thực hiện tội phạm, G thuê xe chở T1 đi tìm anh T3, gọi điện cho T2 để T2 cùng hỗ trợ, đuổi theo chặn xe của T3, G là người lôi anh T3 lên xe ô tô, T2 đẩy anh T3 lên xe ô tô và trong xe cả G và T2 đều đánh anh T3, T2 đánh nhiều lần hơn và đều có lời lẽ đe doạ anh T3, đọc cho anh T3 viết nội dung giấy nhận nợ. Bị cáo G và bị cáo T2 có vai trò ngang nhau; về nhân thân: bị cáo Phạm Thanh T2 đã bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng chưa được xóa án tích phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án kết án các bị cáo T2 15 năm tù và G 14 năm tù là đúng pháp luật.

Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Mỹ T1, Lê Văn G, Phạm Thanh T2 và giữ nguyên Bản án số 06/2024/HS-ST ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ T1 18 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn G 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thanh T2 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/6/2023.

Đều về tội "Cướp tài sản".

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Các bị cáo T1, G và T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình (04 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Cục T.H.A DS tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam